

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án thành phần số 04: ĐTXD công trình (giai đoạn 2026-2030) Khu KTQP Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

1.3. Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông nông thôn loại B (miền núi); Công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp nước sinh hoạt, công trình điện, công trình dân dụng (Trường học, Nhà văn hóa, Trạm y tế) cấp IV.

1.4. Cấp Quyết định đầu tư: Bộ Quốc phòng.

1.5. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Quân khu 4.

- Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng: Đoàn KTQP 92/QK4.

1.6. Địa điểm xây dựng: Tại 04 xã thuộc tỉnh Quảng Trị, gồm: Kim Phú, Kim Điền, Dân Hóa và Tuyên Lâm.

1.7. Quy mô đầu tư:

1.7.1. Công trình giao thông:

1.7.1.1. Quy mô: Xây dựng mới, nâng cấp 10 tuyến đường giao thông có tổng chiều dài 16,984Km và 01 ngầm tràn; cụ thể như sau:

(1) Đường liên bản K-Định đi bản Hà Nông: Chiều dài 1,757 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội bản K-Định, điểm cuối nội bản Hà Nông;

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=4x(5.0x4.5)m; 01 cống hộp BxH=0.75x0.75; 04 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống tròn D=1.0m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(2) Đường giao thông nội bản Sy: chiều dài 0,863 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội bản Sy, điểm cuối giao với đường bê tông nội bản Sy.

- Công trình trên tuyến: hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(3) Đường giao thông nội bản K-Ai: chiều dài 0,602 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội bản K-Ai, điểm cuối đi vào khu sản xuất nội bản K-Ai.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=2.5x2.5m; 02 cống hộp BxH=0.75x0.75; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(4) Đường liên thôn Thuận Hóa đi Đặng Hóa: chiều dài 3,231 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn Thuận Hóa, điểm cuối giao với đường bê tông nội thôn Đặng Hóa.

- Công trình trên tuyến : 01 cống hộp BxH=1.5x1.5m (nổi cống); 01 cống hộp

BxH=1.5x2.0m (nội cống); 01 cống hộp BxH=2x(3.0x2.0)m; 04 cống hộp BxH=0.75x0.75; 05 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống hộp BxH=1.5x1.5m; 01 cống hộp BxH=2.0x2.0m; 01 cống hộp BxH=3.0x3.0m; 03 cống tròn D=1.0m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(5) Đường liên thôn Đặng Hóa đi Tăng Hóa: chiều dài 0,576 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn Đặng Hóa, điểm cuối vào khu sản xuất nội bản Tăng Hóa.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=2x(2.0x2.0)m; 01 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống tròn D=1.0m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(6) Đường giao thông nội thôn Đặng Hóa: chiều dài 2,819 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn Đặng Hóa, điểm cuối vào khu sản xuất nội thôn Đặng Hóa.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=2x(2.0x2.0)m; 04 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống hộp BxH=1.5x1.5m; 01 cống hộp BxH=2.0x2.0m; 03 cống tròn D=1.0m; 03 cống tròn D=1.5m; 02 cống tròn 2xD=2x1.5m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(7) Đường nội bản Ôn: chiều dài 2,406 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội Bản ôn, điểm cuối vào khu sản xuất nội Bản Ôn.

- Công trình trên tuyến: 05 cống hộp BxH= 0.75x0.75; 02 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống tròn D=1.5m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(8) Đường giao thông nông thôn Phú Nhiêu: chiều dài 1,51 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn Phú Nhiêu, điểm cuối vào khu sản xuất nội thôn Phú Nhiêu.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH= 0.75x0.75; 05 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 01 cống hộp BxH=1.5x1.5; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(9) Đường liên thôn 1,2 Bắc Sơn đi đường Hồ Chí Minh: chiều dài 2,229 km. Điểm đầu giao với đường bê tông nội thôn 1. điểm cuối giao với đường bê tông nội thôn 2.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=4x(5.0x4.5)m; 01 cống hộp BxH=3x(5.0x4.0)m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(10) Nâng cấp đường vào bản và nội bản Ông Tú: chiều dài 0,99 km. Điểm đầu giao với đường bê tông vào bản Ông tú, điểm cuối giao với đường bê tông nội bản Ông tú.

- Công trình trên tuyến: 01 cống hộp BxH=2x(3.0x3.0)m; 02 cống hộp BxH=1.0x1.0m; 02 cống hộp BxH=1.5x1.5m; hệ thống rãnh dọc thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.

(11) Xây dựng mới 01 ngầm tràn tại bản Ôn: khẩu độ cống hộp $B \times H = 3 \times (5.0 \times 4.5) \text{m}$.

1.7.1.2. Giải pháp thiết kế

a) Phần tuyến:

- Thiết kế theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Đường cấp B (miền núi): Vận tốc thiết kế 20km/h; Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,5 \text{m}$ (đốc mặt đường 2%); chiều rộng nền đường $B_n = 5,0 \text{m}$; chiều rộng lề đường $B_l = 2 \times 0,75 \text{m}$ (đốc lề đường 4%); Độ dốc lớn nhất $i_{\max} = 13\%$; bán kính cong nằm tối thiểu 15m. Mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, dưới lót bạt nilon tái sinh chống mất nước và lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15 cm; kết cấu lề, nền đường đắp bằng đất tận dụng, đối với nền đường đào là đất xáo với lu lèn 30cm, hệ số đầm chặt $k \geq 0,95$.

- Đối với Đường liên bản K – Định đi bản Hà Nông để giảm khối lượng đào đắp và kết nối được với các khu hạ tầng dọc theo hai bên tuyến chính châm thước thiết kế độ dốc dọc tối đa 15% với chiều dài 300m ở đầu tuyến;

- Đối với đường vào bản ông Tú hiện trạng có độ dốc 30%, trái tuyến là vực sâu, phải tuyến là núi cao do đó thiết kế nâng cấp tuyến vào bản châm thước độ dốc 20% chiều dài 451m;

- Đối với đường nội bản ông Tú hiện trạng có độ dốc 29%, hai bên tuyến dân cư ở sát nhau và sát mặt đường do đó châm thước thiết kế độ dốc tối đa 25% chiều dài 55m, bám nền đường hiện trạng, quy mô mặt cắt ngang nội bản như sau:

+ Bề rộng nền đường: 3,0m

+ Bề rộng mặt đường: 2,0m; Dốc ngang mặt đường: 2%

+ Lề đường: lề $0,5 \text{m} \times 2 (\text{bên}) = 1,0 \text{m}$; Dốc ngang lề đường: 4%

b) Công trình thoát nước:

* Quy mô cống thoát nước ngang:

+ Đối với cống tròn: Ống cống bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn; mỗi nối thân cống bằng vữa XM M200; bê tông tường cánh thượng lưu, hạ lưu, tường đầu, sân cống, sân gia cố M150 đá 2x4; bê tông móng M150 đá 2x4; đệm lót toàn bộ hố móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Đối với cống hộp khẩu độ $B \times H = 0,75 \times 0,75 \text{m}$, $B \times H = 1,0 \times 1,0 \text{m}$, $B \times H = 1,5 \times 1,5 \text{m}$: Ống cống bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn; mỗi nối thân cống M300 đá 1x2; bê tông tường cánh thượng lưu, hạ lưu, tường đầu, tường đầu, sân cống, sân gia cố M150 đá 2x4; bê tông móng M150 đá 2x4; đệm lót toàn bộ hố móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Đối với cống hộp khẩu độ $B \times H = 2,0 \times 2,0 \text{m}$, $B \times H = 2,5 \times 2,5 \text{m}$, $B \times H = 2 \times (2,0 \times 2,0) \text{m}$, $B \times H = 2 \times (3,0 \times 2,0) \text{m}$, $B \times H = 3,0 \times 3,0 \text{m}$: Thân cống bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ; bê tông tường cánh thượng lưu, hạ lưu, tường đầu,

sân công, sân gia cố M150 đá 2x4; bê tông móng M150 đá 2x4; đệm lót toàn bộ hố móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Đối với công hộp khẩu độ $B \times H = 2 \times (3,0 \times 3,0)m$, $B \times H = 3 \times (5,0 \times 4,0)m$, $B \times H = 3 \times (5,0 \times 4,5)m$, $B \times H = 4 \times (5,0 \times 4,5)m$, $B \times H = 4 \times (6,0 \times 4,0)m$: Thân công công bằng BTCT M300 đá 1x2 đổ tại chỗ; gờ chắn, tường cánh thượng lưu, hạ lưu, sân công, chân khay bằng BTCT M200 đá 2x4; đệm lót toàn bộ hố móng bằng bê tông lót M100 dày 10cm.

* Quy mô thoát nước dọc:

- Rãnh hình thang gia cố.

+ Đối với đoạn tuyến có bố trí rãnh hình thang gia cố: Sử dụng rãnh thoát nước hình thang kích thước (120x40x40)cm: Thành và đáy rãnh bằng bê tông M200 đổ tại chỗ bằng dày 10cm, lớp lót nilong chống mất nước, trên nền lớp vữa đệm M75 dày 2cm.

+ Tại vị trí qua ngõ nhà dân bổ sung tấm đan bằng BTCT M250 đúc sẵn.

c) Công trình đảm bảo an toàn giao thông:

- Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024 BGTVT.

1.7.2. Công trình thủy lợi: Nâng cấp, cải tạo đập thủy lợi Hà Lau với các nội dung: Gia cố 24m bờ đập bằng rọ đá; nạo vét bùn và cải tạo dòng chảy với diện tích 3.906m²; cải tạo nâng cao 712m thành mương và bổ sung thanh giằng BTCT.

1.7.3. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

1.7.3.1. Xây dựng khu tái định cư Bản Khe Sanh

- Quy mô: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật với diện tích 2,0ha gồm: San lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông nội bản, hệ thống điện.

- Giải pháp thiết kế:

+ San nền: Phân lô xây dựng nhà ở; tạo độ dốc theo địa hình đường giao thông.

+ Đường giao nội bản khu tái định cư: Bề rộng nền đường: 5,0m; Bề rộng mặt đường: 3,5m; Dốc ngang mặt đường: 2%; Lề đường: 0,75mx2(bên)=1,5m; dốc ngang lề đường: 4%;

+ Hệ thống điện hạ thế: Xây dựng mới đường dây hạ thế 0,4kV dài 346,5m.

1.7.3.2. Xây dựng khu tái định cư Bản K Định

- Quy mô: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật với diện tích 2,1ha gồm: San lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông nội bản, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống điện.

- Giải pháp thiết kế:

+ San nền: Phân lô xây dựng nhà ở; tạo độ dốc theo địa hình đường giao thông.

+ Đường giao nội bản khu tái định cư: Bề rộng nền đường: 5,0m; Bề rộng mặt đường: 3,5m; Dốc ngang mặt đường: 2%; Lề đường: 0,75mx2(bên)=1,5m; dốc ngang lề đường: 4%.

+ Hệ thống điện: Xây dựng mới đường dây trung thế 22kV dài 646m và 1.088m đường dây hạ thế 0,4kV.

1.7.3.3. Xây dựng Khu tái định cư vùng Cồn Cà

- Quy mô: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật với diện tích 2,9ha gồm: San lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông nội bản, hệ thống điện.

- Giải pháp thiết kế:

+ San nền: Phân lô xây dựng nhà ở; tạo độ dốc theo địa hình đường giao thông.

+ Đường giao nội bản khu tái định cư: Bề rộng nền đường: 5,0m; Bề rộng mặt đường 3,5m; dốc ngang mặt đường 2%; lề đường: 0,75mx2(bên)=1,5m; dốc ngang lề đường: 4%;

+ Hệ thống điện: Xây dựng mới đường dây 22kV dài 335m và 724m đường dây hạ thế 0,4kV.

1.7.4. Công trình cấp nước sinh hoạt:

1.7.4.1. Hệ thống cấp nước SH bản K-Vi và Đoàn bộ:

- Đập tràn → Tuyến ống HDPE $\phi 75$ (tự chảy) → Bể nước (đoàn bộ);

- Giải pháp TKCS:

+ Đập tràn dài L=6,0m; thân đập dài 6,0m; cao 1,7m; đỉnh rộng 1,0m, chân rộng 2,0m; kết cấu thân, BTCT mác 250.

+ Đường ống: Sử dụng ống HDPE $\phi 75$ dài 1.148m;

+ Bể nước (30m³): Kết cấu móng lót BTXM mác 100; đáy, dầm, giằng, thành và nắp bể đổ BTCT mác 200; chiều dày thành, đáy bể 20cm và nắp bể 10cm.

1.7.4.2. Hệ thống cấp nước sinh hoạt bản K-Vi

- Đập tràn → Tuyến ống HDPE $\phi 75$ (tự chảy) → Bể nước (30m³);

- Giải pháp TKCS:

+ Đập tràn dài L=6,0m; thân đập dài 6,0m; cao 1,7m; đỉnh rộng 1,0m, chân rộng 2,0m; kết cấu thân, BTCT mác 250.

+ Đường ống: Sử dụng ống HDPE $\phi 75$ dài 555m;

+ Bể nước (30m³): Kết cấu móng lót BTXM mác 100; đáy, dầm, giằng, thành và nắp bể đổ BTCT mác 200; chiều dày thành, đáy bể 20cm và nắp bể 10cm.

1.7.4.3. Hệ thống cấp nước sinh hoạt bản K Rét

- Giếng khoan → Bơm chìm → Bể chứa kết hợp lắng lọc → Vòi cấp nước tắm, giặt;

- Giải pháp TKCS:

+ Giếng khoan (05 giếng): Khoan sâu 80m, lắp 01 máy bơm chìm; trên miệng giếng khoan thiết kế hố van kích thước 2,0mx1,1mx1,2m để lắp đặt van và đồng hồ điều khiển máy bơm;

+ Bể chứa 07m³ kết hợp lắng lọc (05 bể): Kết cấu BTCT; chiều dày thành bể 15cm, đáy 20cm và nắp 10cm; tường trong và đáy bể quét Sika chống thấm.

1.7.4.4. Hệ thống cấp nước sinh hoạt bản K-Ing

- Đập tràn → Tuyến ống HDPE $\phi 75$ (tự chảy) → Bể nước (30m³);

- Đập tràn dài L=6,0m; thân đập dài 6,0m; cao 1,7m; đỉnh rộng 1,0m, chân rộng 2,0m; kết cấu thân, BTCT mác 250.

- Đường ống: Sử dụng ống HDPE $\phi 75$ dài 1.285m;

- Bể nước (30m³): Kết cấu móng lót BTXM mác 100; đáy, dầm, giằng, thành và nắp bể đổ BTCT mác 200; chiều dày thành, đáy bể 20cm và nắp bể 10cm.

1.7.4.5. Hệ thống cấp nước sinh hoạt bản Yên Hợp

- Giếng khoan → Bơm chìm → Bể chứa kết hợp lắng lọc → Vòi cấp nước tắm, giặt;

- Giải pháp TKCS:

+ Giếng khoan (10 giếng): Khoan sâu 80m, lắp 01 máy bơm chìm; trên miệng giếng khoan thiết kế hố van kích thước 2,0mx1,1mx1,2m để lắp đặt van và đồng hồ điều khiển máy bơm;

+ Bể chứa 07m³ kết hợp lắng lọc (10 bể): Kết cấu BTCT; chiều dày thành bể 15cm, đáy 20cm và nắp 10cm; tường trong và đáy bể quét Sika chống thấm.

1.7.4.6. Hệ thống cấp nước sinh hoạt 05 thôn Thanh Lạng

- Đập tràn → Tuyến ống HDPE $\phi 90$, $\phi 63$ (tự chảy) → 05 Bể nước (10m³);

- Đập tràn dài L=9,0m; thân đập dài 6,0m; cao 1,7m; đỉnh rộng 1,0m, chân rộng 2,0m; kết cấu thân, BTCT mác 250.

- Đường ống: Sử dụng ống HDPE $\phi 90$, $\phi 63$ dài 4.872m;

- Bể nước (10m³): Số lượng: 05 cái cho 05 thôn; kết cấu móng lót BTXM mác 100; đáy, dầm, giằng, thành và nắp bể đổ BTCT mác 200; chiều dày thành, đáy bể 20cm và nắp bể 10cm.

1.7.5. Công trình điện:

1.7.5.1. Hệ thống điện bản Sy: Xây dựng mới đường dây 22kV dài 45m và đường dây hạ thế 0,4kV dài 828,5m.

1.7.5.2. Hệ thống điện bản Chà Cáp: Xây dựng mới đường dây hạ thế 0,4kV dài 1.425,2m.

1.7.5.2. Hệ thống điện cụm dân cư Cồn Cà: Xây dựng mới đường dây 22kV dài 335m và 724m đường dây hạ thế 0,4kV.

1.7.6. Công trình trường học:

1.7.6.1. Nâng cấp, cải tạo trường mầm non Dân Hóa:

a) Quy mô: Xây dựng nhà bếp 01 tầng, diện tích xây dựng 102,7m²; sân lát gạch diện tích 476m², mái che 343m² 01 giếng khoan + bể nước;

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc: Kích thước 10,8x9,1m; gồm 3 bước cột 3,6m, nhịp nhà 7,0m, hành lang trước 2,1m; chiều cao nhà 3,7m; thu hồi 2,3m; mặt bằng bố trí kết hợp cho 03 phân khu chức năng gồm: Phòng bếp, phòng soạn chia; khu chế biến và kho; tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ giếng khoan, có hệ thống lọc bằng composit 3 lõi, cấp nước sinh hoạt. Thoát nước gồm thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Sân lát gạch diện tích 476m²; mái che diện tích 343m²; kết cấu cột, kèo thép hình mạ kẽm; mái lợp tôn dày 0,45mm; bể nước kiêm bể lọc 7,0m³ kết cấu BTCT mác 250 và giếng khoan.

1.7.6.2. Điểm trường mầm non bản Bản K Định:

a) Quy mô: Xây dựng 01 nhà học học 01 tầng diện tích xây dựng 212,6m²; 01 nhà ở giáo viên, nhà bếp diện tích 177,3m². Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm công, hàng rào và sân nội bộ;

b) Giải pháp thiết kế

- Nhà học 01 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: Kích thước 18,4x11,2m; gồm 2 bước cột 3,2m và 4 bước cột 3,0m; nhịp nhà 9,0m, hành lang trước 2,2m; chiều cao nhà 3,7m; thu hồi 2,3m; mặt bằng bố trí kết hợp cho 02 phòng học; 02 kho; 02 khu vệ sinh khép kín; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Nhà ở giáo viên, nhà bếp 1 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: Kích thước 9,1x18,8m; gồm 3 bước cột 3,6m và 02 bước gian 4,0m; nhịp nhà 7,0m, hành lang trước 2,1m; chiều cao nhà 3,7m; thu hồi 2,3m; mặt bằng bố trí kết hợp cho 02 phòng ở giáo viên có khu vệ sinh khép kín; bếp và kho; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20(M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20(M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ giếng khoan, có hệ thống lọc bằng composit 3 lõi, cấp nước sinh hoạt. Thoát nước gồm thoát xí tiểu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiều sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng mới cổng chính rộng 3,0m, cao 2,1m; tường rào xây dựng xung quanh; sân lát gạch diện tích 727m²; bể nước kiêm bể lọc 7,0m³ kết cấu BTCT mác 250 và giếng khoan.

1.7.6.3. Điểm trường mầm non bản Phú Minh:

a) Quy mô: Xây dựng 01 nhà hiệu bộ, nhà bếp 02 tầng diện tích xây dựng 261,3m²; diện tích sàn 522,6m².

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc: Kích thước 29,4x8,6m; gồm 7 bước cột 3,6m và 01 bước cột 4,2m; nhịp nhà 6,5m, hành lang trước 2,1m; chiều cao nhà 7,2m; thu hồi 2,5m; mặt bằng tầng 1 bố trí hội trường, bếp, phòng y tế, kho, khu vệ sinh chung; tầng 2 bố trí phòng hiệu trưởng, hiệu phó, kế toán, nhân viên và khu vệ sinh chung; tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ giếng khoan, có hệ thống lọc bằng composit 3 lõi, cấp nước sinh hoạt. Thoát nước gồm thoát xí tiêu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

1.7.6.4. Điểm trường mầm non Bắc Sơn:

a) Quy mô: Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà đa năng 2 tầng có diện tích xây dựng 293m²; diện tích sàn 586m² và 01 nhà thư viện 01 tầng diện tích xây dựng 73,9m²; hàng rào xây gạch chiều dài 81m.

b) Giải pháp thiết kế

- Nhà hiệu bộ, nhà đa năng 2 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: Kích thước 8,6x33,0m; gồm 8 bước cột 3,6m và 01 bước gian 4,2m; nhịp nhà 6,5m, hành lang trước 2,1m; chiều cao nhà 7,2m; thu hồi 2,5m; mặt bằng tầng 1 bố trí phòng âm nhạc - thể dục, phòng y tế, phòng tin học - ngoại ngữ; tầng 2 bố trí phòng Hiệu trưởng, hiệu phó, kế toán, phòng họp; Tường,

trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nguồn nước sin hoạt đã có của nhà trường. Thoát nước gồm thoát xí tiêu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Nhà thư viện 1 tầng:

- + Giải pháp kiến trúc: Kích thước 8,4x8,4m; gồm 3 bước cột 2,8m, nhịp nhà 2,8m; chiều cao nhà 2,26m; thu hồi 1,34m; toàn bộ mặt bằng bố trí không gian thư viện ngoài trời; tường ốp tấm lấy sáng; nền đổ bê tông lát tấm cỏ nhựa; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện đồng bộ.

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20(M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20(M250);

- Hạng mục phụ trợ: Hàng rào xung quanh phía sau xây gạch.

1.7.6.5. Điểm trường Tiểu học thôn 2 Bắc Sơn:

- a) Quy mô: Xây dựng Nhà học 2 tầng diện tích xây dựng 207,7m²; diện tích sàn 415,4m²; nhà vệ sinh chung 1 tầng diện tích xây dựng 40,8m² và mương thoát nước ngoài nhà chiều dài 64m

- b) Giải pháp thiết kế

- Nhà học 2 tầng:

- + Giải pháp kiến trúc: Kích thước 9,3mx+21,6m; gồm 6 bước cột 3,6m; nhịp nhà 7,2m, hành lang trước 2,1m; chiều cao nhà 7,2m; thu hồi 2,5m; mặt bằng tầng 1

và 2 bố trí 02 phòng học và 01 phòng làm việc; tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của nhà trường; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Nhà vệ sinh chung:

- + Giải pháp kiến trúc: Kích thước 10,2x3,7m; gồm 02 bước cột 5,1m, nhịp nhà 3,7m; chiều cao nhà 3,2m; mặt bằng bố trí 01 khu vệ sinh chung cho nam và 01 khu vệ sinh chung cho nữ; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 300x300; tường vệ sinh ốp gạch 300x600; Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái chống thấm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước đồng bộ.

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nguồn nước sinh hoạt đã có của nhà trường. Thoát nước gồm thoát xí tiêu và thoát nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà và sân lát gạch nội bộ.

1.7.7. Công trình Nhà văn hóa:

1.7.7.1. Nhà văn hóa khu tái định cư Cha lo:

a) Quy mô: Xây dựng nhà văn hóa 01 tầng tại khu tái định cư cha lo với, diện tích xây dựng 253m²; 01 khu vệ sinh chung 29,1m². Hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, cống, hàng rào, sân nội bộ.

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc

- + Xây dựng nhà văn hóa: Kích thước 18,6x13,2m; gồm 02 bước cột 3,9m và 03 bước cột 3,6m; nhịp nhà 8,4m; sảnh + sân khấu ngoài trời rộng 3,0m; hành lang sau 1,8m; chiều cao nhà 4,2m; thu hồi 3,1m; mặt bằng bố trí hội trường, sân khấu, phòng chuẩn bị, kho và sân khấu ngoài trời; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo

- Nhà vệ sinh chung: Kích thước 7,4x3,6m; gồm 02 bước cột 3,7m, nhịp nhà 3,6m; nhà cao 3,3m; mặt bằng bố trí 02 khu vệ sinh nam và nữ;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của nhà trường; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng cổng rộng 3,0m, cao 2,1m; hàng rào xây gạch xung quanh; sân lát gạch diện tích 361,5m²; bể nước 7,0m³.

1.7.7.2. Nhà văn hóa Bản ông Tú:

a) Quy mô: Xây dựng nhà văn hóa 01 tầng tại khu tái định cư cha lo với, diện tích xây dựng 253m²; 01 khu vệ sinh chung 29,1m². Hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, cống, hàng rào, sân nội bộ.

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc

+ Xây dựng nhà văn hóa: Kích thước 18,6x13,2m; gồm 02 bước cột 3,9m và 03 bước cột 3,6m; nhịp nhà 8,4m; sảnh + sân khấu ngoài trời rộng 3,0m; hành lang sau 1,8m; chiều cao nhà 4,2m; thu hồi 3,1m; mặt bằng bố trí hội trường, sân khấu, phòng chuẩn bị, kho và sân khấu ngoài trời; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo

- Nhà vệ sinh chung: Kích thước 7,4x3,6m; gồm 02 bước cột 3,7m, nhịp nhà 3,6m; nhà cao 3,3m; mặt bằng bố trí 02 khu vệ sinh nam và nữ;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20(M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20(M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của nhà trường; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng cổng rộng 3,0m, cao 2,1m; hàng rào xây gạch xung quanh; sân lát gạch diện tích 404m²; bể nước kiêm bể lọc 7,0m³; giếng khoan.

1.7.7.3. Nhà văn hóa Thôn 3 Bắc Sơn:

a) Quy mô: Xây dựng nhà văn hóa 01 tầng tại khu tái định cư, diện tích xây dựng 244,5m²; 01 khu vệ sinh chung 29,1m². Hạ tầng kỹ thuật gồm: Cổng, hàng rào và sân nội bộ.

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc

+ Xây dựng nhà văn hóa: Kích thước 18,0x13,2m; gồm 05 bước cột 3,6m; nhịp nhà 8,4m; sân + sân khấu ngoài trời rộng 3,0m; hành lang sau 1,8m; chiều cao nhà 4,2m; thu hồi 3,1m; mặt bằng bố trí hội trường, sân khấu, phòng chuẩn bị, kho và sân khấu ngoài trời; tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Nhà vệ sinh chung: Kích thước 7,4x3,6m; gồm 02 bước cột 3,7m, nhịp nhà 3,6m; nhà cao 3,3m; mặt bằng bố trí 02 khu vệ sinh nam và nữ;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của nhà trường; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng cổng rộng 3,0m, cao 2,1m; hàng rào xây gạch xung quanh; sân lát gạch diện tích 446m²; bể nước kiêm bể lọc 7,0m³; giếng khoan.

1.7.8. Công trình Trạm y tế:

1.7.8.1. Sửa chữa nâng cấp trạm y tế xã Dân Hoá:

a) Quy mô: Xây dựng 02 nhà khám chữa bệnh 01 tầng có diện tích xây dựng 01 nhà 147,7m².

b) Giải pháp thiết kế

+ Giải pháp kiến trúc: Kích thước 26,2x7,1m; gồm 05 bước cột 3,3m; 01 bước gian 3,8m; 01 bước gian 3,74 và 01 bước gian 2,16m; nhịp nhà 5,1m; 2,27m; hành lang trước 2,07m; chiều cao nhà 3,7m; thu hồi 2,3m; mặt bằng bố trí các phòng khám chữa bệnh; Tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của nhà trường; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiều sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng công rộng 4,9m, cao 4,6m; hàng rào xây gạch xung quanh; sân lát gạch diện tích 524m².

1.7.8.2. Sửa chữa nâng cấp trạm y tế xã Hóa Sơn:

a) Quy mô: Xây dựng 01 nhà khám chữa bệnh 01 tầng có diện tích xây dựng 365,6m².

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc: Kích thước 27,0x14,0m; gồm 3 bước cột 6,0m và 02 bước cột 4,5m; nhịp nhà 4,5m, 3,0m; sảnh trước 3,5m; chiều cao nhà 3,6m; thu hồi 3,0m; mặt bằng bố trí các khối chức năng chung (đón tiếp, giao ban, thuốc, xét nghiệm, sơ cứu, tiêm, tiết trung); khối chức năng cho bệnh nhân (khám, y dược, phục hồi chức năng, lưu bệnh nhân); khối sản phụ khoa (khám sản phụ, lưu sản phụ và khối phụ trợ (kho, vệ sinh, giao thông); tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0

ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20 (M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20 (M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của bệnh viện; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành. Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng cổng rộng 4,9m, cao 4,6m; hàng rào xây gạch xung quanh phía sau; sân lát gạch diện tích 763,3m².

1.7.8.3. Trạm y tế khu vực 5 thôn Thanh Lạng:

- a) Quy mô: Xây dựng 01 nhà khám chữa bệnh 02 tầng có diện tích xây dựng 182,8m²; diện tích sàn 365,6m².

b) Giải pháp thiết kế

- Giải pháp kiến trúc: Kích thước 17,8x12,2m; gồm 04 bước cột 3,6m; 01 bước cột 3,37; nhịp nhà 6,0m, hành lang trước 2,2m; hành lang sau 1,75m; khu vệ sinh rộng 2,24m; chiều cao nhà 3,7m; thu hồi 2,3m; mặt bằng tầng 1 bố trí phòng phó giám đốc, kế toán, khám, hấp sây; tầng 2 bố trí phòng giám đốc, phó giám đốc và hội trường; tường, trần, cột, dầm trát VXM dày 1,5cm; sơn trực tiếp 3 nước không bả. Lát nền gạch ceramic 600x600, chân móng ốp gạch thẻ màu ghi. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, panô kính dày 6,38 ly, cửa sổ kính dày 5,0 ly bố trí hoa sắt bảo vệ; mái lợp tôn 0,45mm; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, chống sét đồng bộ kèm theo;

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền B20(M250), đặt trên nền đất tự nhiên. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung cột, dầm, sàn BTCT toàn khối, cấp độ bền B20(M250);

- Giải pháp cấp thoát nước: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp thoát nước theo quy định hiện hành. Bao gồm: Nguồn cấp nước từ nước sinh hoạt đã có của bệnh viện; thoát nước mưa và nước rửa riêng biệt theo quy định.

- Giải pháp cấp điện: Thiết kế đầy đủ hệ thống cấp điện theo quy định hiện hành; Chiếu sáng, quạt và ổ cắm đúng quy định.

- Giải pháp thông gió: Sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên gồm cửa đi, cửa sổ, lam thông gió; kết hợp thông gió nhân tạo. Các phòng bố trí quạt trần, quạt treo tường để làm mát không gian sử dụng.

- Giải pháp chiếu sáng: Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính; kết hợp với chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn.

- Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Thiết kế đầy đủ hệ thống PCCC theo quy định hiện hành: Bao gồm: Báo cháy, chữa cháy vách tường, bình cứu nhanh, chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn...

- Hạng mục phụ trợ: Xây dựng công rộng 4,9m, cao 4,6m; hàng rào xây gạch xung quanh phía sau; sân lát gạch diện tích 145,0m².

1.7.9. Chi phí thiết bị: Đầu tư mua sắm mới 02 trạm biến áp 50KVA cho xã Dân Hóa và xã Kim Điền.

1.8. Tổng mức đầu: 204,3 tỷ đồng.

1.9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

1.10. Thời gian thực hiện: Năm 2026- 2029.

II. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số TV-14: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước lập TKBVTC, cắm mốc GPMB và thiết kế bản vẽ thi công, DT, TDT;

- Giá gói thầu phê duyệt: 4.547.178.782 đồng (Đã bao gồm thuế VAT 8%).

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026;

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Tuyển chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn khảo sát, cắm mốc GPMB, lập TKBVTC, DT-TDT phù hợp với quy mô dự án như đã được mô tả nêu trên, đảm bảo những yêu cầu sau đây:

- Đáp ứng được hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn phù hợp, có giá dự thầu đảm bảo kinh tế và kỹ thuật;

- Khách quan, công khai, công bằng, minh bạch;

- Đạt yêu cầu tiến độ, chất lượng, đúng quy trình, quy phạm được cấp có thẩm

quyền phê duyệt.

III. Phạm vi công việc:

Nội dung và phạm vi công việc Khảo sát địa hình, địa chất, cắm mốc GPMB và lập TKBVTC, DT-TDT phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Khảo sát xây dựng, cắm mốc GPMB

1.1. Mục đích khảo sát xây dựng: Để làm cơ sở triển khai TKBVTC, DT, TDT. Xác định vị trí, cao độ xây dựng cho các hạng mục xây dựng theo quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch vùng của địa phương tại vị trí xây dựng công trình. Công tác khảo sát địa chất là cơ sở để xác định tính chất cơ lý của đất phục vụ cho tính toán kết cấu chịu lực, thiết kế móng công trình và phân loại cấp đất, đá trong xác định biện pháp thi công san nền và đào, đắp đất cho các hạng mục. Kết quả khảo sát phải đảm bảo điều kiện để tính toán, lựa chọn phương án kỹ thuật theo phương án tối ưu vừa đảm bảo chịu lực nhưng phải tiết kiệm chi phí đầu tư, tránh lãng phí, đầu tư không đúng mục đích, không bám sát nhu cầu sử dụng.

1.2. Điều tra, thu thập số liệu: Điều tra bổ sung các công trình nổi, ngầm và hệ thống hạ tầng trong phạm vi khảo sát, số liệu GPMB. Điều tra kinh tế - xã hội. Thu thập các tài liệu liên quan phục vụ lập TKBVTC, DT-TDT công trình.

1.3. Khảo sát địa hình:

- Đường chuyền cấp II;
- Bình đồ tuyến: Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1,0m;
- Mặt cắt dọc tuyến: Đo vẽ cắt dọc tuyến;
- Mặt cắt ngang tuyến: Đo vẽ mặt cắt ngang;
- Thủy chuẩn kỹ thuật;
- Phát rừng.

1.4. Khảo sát địa chất, thủy văn

- Đào hố thăm dò kiểm tra địa chất.
- Thí nghiệm mẫu đất.
- Kết quả khảo sát phải đảm bảo đủ điều kiện để triển khai bước TKBVTC, DT, TDT. Riêng công tác thí nghiệm trong phòng nếu nhà thầu không có năng lực cho phép sử dụng nhà thầu phụ nhưng phải kèm theo Văn bản thỏa thuận theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Kết thúc công tác khoan, lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện thí nghiệm trong phòng và tổng hợp kết quả, nghiệm thu công tác khảo sát địa chất theo đúng quy định Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

1.5. Yêu cầu về chất lượng khảo sát địa hình, địa chất: Công tác khảo sát địa hình, địa chất phải mô tả đúng hiện trạng khu đất, xác định đúng các chỉ tiêu cơ lý của đất, mô tả địa tầng thủy văn để đảm bảo điều kiện triển khai lập TKBVTC, DT, TDT. Kết quả khảo sát phải đủ điều kiện để xác định ranh giới vị trí xây dựng, cao độ các điểm đầu nổi hạ tầng, tính toán kết cấu nền móng và phân cấp đất đá, lập biện pháp thi công và dự toán chi phí đối với công trình có vận chuyển đất đá và làm cơ

sở lựa chọn phương án và nội dung thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phù hợp với phạm vi, quy mô dự kiến đầu tư; đảm bảo dự án phát huy hiệu đầu tư và làm cơ sở để xác định đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công phù hợp với giá thị trường thuộc địa điểm xây dựng các hạng mục công trình tại thời điểm lập TDT bước TKBVTC.

1.6. Công tác khác: Điều tra, khảo sát bổ sung mỏ vật liệu, sơ họa chi tiết cự ly vận chuyển vật liệu, bãi thải. Thỏa thuận với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan.

1.7. Cắm mốc GPMB

- Xác định, cắm mốc ranh giới phạm vi GPMB ngoài thực địa.

1.8. Khối lượng khảo sát dự kiến

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH, ĐỊA CHẤT TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
1.1	Thu thập tài liệu dân sinh, kinh tế, quy hoạch xây dựng, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, định mức, đơn giá...	công	5,0000
1.2	Làm việc, thỏa thuận với sở, ban ngành, địa phương	công	10,0000
1.3	Thị sát hiện trường; Điều tra, thống kê GPMB	công	10,0000
1.4	Đường chuyên cấp II, địa hình cấp III	điểm	13,0000
1.5	Đường chuyên cấp II, địa hình cấp IV	điểm	25,0000
1.6	Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	6,2000
1.7	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV	km	12,4700
1.8	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	100ha	0,1860
1.9	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100ha	0,7482
1.10	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	62,0000
1.11	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, địa hình cấp IV	100m	124,7000

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
1.12	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	62,0000
1.13	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn, địa hình cấp IV	100m	299,2800
1.14	Phát rừng loại 3	công	38,0000
	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH		
1.15	Khoan địa chất đất đá cấp I - III	1m khoan	155,0000
1.16	Bơm cấp nước phục vụ khoan địa chất, cấp đất đá cấp I - III	1m khoan	155,0000
1.17	Thành phần hạt	1 chỉ tiêu	33,0000
1.18	Khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	33,0000
1.19	Khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	33,0000
1.20	Độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	33,0000
1.21	Giới hạn dẻo; Giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	33,0000
1.22	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	33,0000
1.23	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng C	1 chỉ tiêu	33,0000
1.24	Khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	22,0000
1.25	Độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	22,0000
1.26	Thành phần hạt	1 chỉ tiêu	22,0000
1.27	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng C	1 chỉ tiêu	22,0000
1.28	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	22,0000
1.29	Khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	22,0000
1.30	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	22,0000
	KHẢO SÁT THỦY VĂN		
1.31	Cập nhật số liệu báo cáo nghiên cứu khả thi, đo vẽ bổ sung các thay đổi	công	10,0000
	KHẢO SÁT MỎ VẬT LIỆU, VỊ TRÍ ĐỒ THẢI		
1.32	Điều tra mỏ vật liệu	công	8,0000
1.33	Điều tra bãi đổ thải	công	8,0000
	CHI PHÍ KHÁC		
1.34	Chi phí chuyển quân thiết bị	chuyển	2,0000
1.35	Chi phí tháo dỡ máy móc, vận chuyển thủ công máy khoan địa chất	trộn bộ	2,0000
2	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT KHU TÁI ĐỊNH CƯ		
2.1	Khoan địa chất đất đá cấp I - III	1m khoan	63,0000

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
2.2	Bơm cấp nước phục vụ khoan địa chất, cấp đất đá cấp I - III	1m khoan	63,0000
2.3	Thành phần hạt	1 chỉ tiêu	9,0000
2.4	Khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	9,0000
2.5	Khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	9,0000
2.6	Độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	9,0000
2.7	Giới hạn dẻo; Giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	9,0000
2.8	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	9,0000
2.9	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng C	1 chỉ tiêu	9,0000
2.10	Khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	6,0000
2.11	Độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	6,0000
2.12	Thành phần hạt	1 chỉ tiêu	6,0000
2.13	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng C	1 chỉ tiêu	6,0000
2.14	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	6,0000
2.15	Khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,0000
2.16	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	6,0000
3	CẨM MỐC PHẠM VI GPMB		
3.1	Cẩm mốc chỉ giới đường đỏ, cẩm mốc ranh giới quy hoạch; cấp địa hình III	mốc	124,0000
3.2	Cẩm mốc chỉ giới đường đỏ, cẩm mốc ranh giới quy hoạch; cấp địa hình IV	mốc	249,4000
3.3	Cẩm mốc chỉ giới đường đỏ, cẩm mốc ranh giới quy hoạch; cấp địa hình IV	mốc	30,0000

2. Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán)

Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

- Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) (bao gồm cả phần thuyết minh) tất cả các công việc và các hạng mục công trình thuộc Dự án thành phần số 04: ĐTXD công trình (giai đoạn 2026-2030) Khu KTQP Minh Hóa - Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị gồm các nội dung sau:

+ Căn cứ kết quả khảo sát địa hình, địa chất và thiết kế cơ sở được duyệt. Các nội dung TKBVTC phải đủ điều kiện để tính toán dự toán, tổng dự toán, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, đảm bảo bền vững, giá thành hợp lý và phù hợp hiện trạng và quy hoạch được duyệt, đủ điều kiện pháp lý để báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo làm cơ sở triển khai bước thi công.

+ An toàn, tiết kiệm, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường;

+ Nhà thầu phải đệ trình thiết kế, phương pháp thiết kế cho Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thiết kế.

+ Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt cùng với dự toán.

+ Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định, phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; các bản tính toán kết cấu...; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được và các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện lập tổng dự toán, dự toán và lập hồ sơ mời thầu xây lắp; Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

+ Dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình: Chuẩn bị các bảng khối lượng công trình xây dựng và các bảng tính toán khối lượng chi tiết. Dự toán và tổng dự toán được lập trên cơ sở căn cứ quy mô, yêu cầu kỹ thuật, các chỉ tiêu của TKBVTC và yêu cầu của dự án theo đơn giá tại thời điểm hiện hành và vận dụng đơn giá các công trình, hạng mục công trình tương tự đã triển khai trong những năm gần.

- Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế. Bố trí người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm đồ án và chủ trì thiết kế các bộ môn.

- Chỉ sử dụng kết quả khảo sát do Chủ đầu tư cung cấp, sử dụng hồ sơ thiết kế cơ sở Chủ đầu tư cung cấp.

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế.

- Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng, tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;

- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

- Giám sát tác giả theo quy định;

- Lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật cho các hạng mục gói thầu;

- Lập quy trình bảo trì công trình Xây dựng.

- Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ lập thiết kế và dự toán được chủ đầu tư phê duyệt.

3. Danh mục hồ sơ: Nhà thầu phải hoàn thành sản phẩm hợp đồng theo danh

mục công việc nêu tại điều khoản tham chiếu. Hình thức, số lượng giao nộp từng sản phẩm hợp đồng theo yêu cầu Chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Quốc phòng và Nhà nước.

3.1. Danh mục hồ sơ:

TT	Tên hồ sơ	Yêu cầu sản phẩm hợp đồng
1	Hồ sơ Nhiệm vụ thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
2	Phương án thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
3	Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất, cắm mốc GPMB	Báo cáo đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
4	Hồ sơ TKBVTC	Thuyết minh TKBVTC, Hồ sơ thiết kế BVTC có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
5	Thuyết minh tính toán KC	Thuyết minh đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
6	Dự toán, tổng dự toán	Đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia ký và đóng dấu xác nhận
7	Quy trình bảo trì, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
8	Hồ sơ nghiệm thu	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
9	Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án	Các văn bản liên quan đến dự án

3.2. Chất lượng hồ sơ giao nộp: Nhà thầu giao nộp cho Chủ đầu tư hồ sơ theo danh mục nêu tại điểm 3.1 khoản 3 mục này với các bộ bản giấy và 01 USB copy chứa toàn bộ dữ liệu phải được định dạng theo bản gốc phát hành; đối với các báo cáo, thuyết minh theo định dạng MS Word; bảng tính là MS Excel 2007, đảm bảo tính liên kết giữa các file; phông chữ thuộc bảng mã Unicode; các bộ bản vẽ bằng thực hiện trên chức trình Autocad 2007; trường hợp các file có dung lượng lớn thì cần nén định dạng *.zip, *.rar. Các file không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu. Hồ sơ phải được đại diện nhà thầu tư vấn ký, đóng dấu và các cán bộ tham gia lập hồ sơ ký xác nhận, trong đó tối thiểu các chức danh về chủ trì khảo sát, chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định. Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác khảo sát tại hiện trường phải tiến hành cập nhật, chuẩn xác và hoàn thiện báo cáo kết quả khảo sát để Chủ đầu tư nghiệm thu theo đúng quy định.

3.3. Địa điểm giao nộp hồ sơ: Đoàn KTQP 92/QK4 - Địa chỉ: Thôn A Đót, xã A Lưới 4, thành phố Huế.

3.4. Đối với các hồ sơ có sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu) thì nhà thầu sẽ phải chuẩn xác lại, trường hợp không đủ cơ sở để chuẩn xác lại được thì phải loại bỏ, việc khắc phục, chuẩn xác lại không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu.

4. Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Dự kiến nhà thầu trúng thầu triển khai thực hiện dịch vụ tư vấn ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện

- Các báo cáo phải nộp bao gồm: Thực hiện chế độ giao ban tiến độ vào 08 giờ 30 phút sáng thứ 2 hàng tuần tại Đoàn KTQP 92/QK4, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản về tiến độ thực hiện công việc.

- Thời gian thực hiện: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

VI. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có); cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công trình cho tổ chức tư vấn (trong phạm vi cho phép); thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác có liên quan đến dự án khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản, Chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

- Kiểm tra năng lực nhà thầu so với Hồ sơ dự thầu.
- Bố trí cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn;
- Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định;
- Thanh toán kinh phí tư vấn cho nhà thầu khi nhà nước cấp vốn;
- Lưu trữ hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.